

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN  
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUẢNG TRỊ**

Số: 78<sup>B</sup>...../QĐ-HĐTVCSQT

Quảng Trị, ngày 29 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt phương án thoái vốn tại  
Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MTV CAO SU QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-HĐQTCSVN ngày 04 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cao su Quảng Trị thành Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị;*

*Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-HĐQTCSVN ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc phê duyệt sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị;*

*Căn cứ Tờ trình số: 578<sup>A</sup>/TTr-CSQT, ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Tổng Giám đốc Công ty về việc phê duyệt phương án thoái vốn tại Công ty CP Phân vi sinh Quảng Trị.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phê duyệt Phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị (Có phương án kèm theo).

**Điều 2.** Tổng Giám đốc Công ty căn cứ phương án đã được phê duyệt để tiến hành các bước, thủ tục thoái vốn tại Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị đảm bảo đúng các quy định, pháp luật của Nhà nước, hướng dẫn của Tập đoàn CNCS Việt Nam, đảm bảo bảo toàn nguồn vốn quản lý.

**Điều 3.** Ban Tổng Giám đốc, Phòng Kế hoạch Đầu tư, Tài chính kế toán và các phòng ban liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Hạnh**



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN  
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU  
QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~578~~ / TTr-CSQT

Quảng Trị, ngày 26 tháng 6 năm 2020

## TỜ TRÌNH

### Về việc phê duyệt phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị

Căn cứ Công văn số 407/HĐQTCSVN-KHĐT, ngày 25/07/2019 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP về việc thoái vốn góp của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị tại Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị;

Căn cứ chứng thư Thẩm định giá số: 0206/2020/CTTĐG/IAV ngày 22/6/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Quốc tế.

Nhằm tái cơ cấu lại hoạt động đầu tư của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị theo hướng tập trung vào lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh chính phù hợp với Đề án tái cơ cấu Công ty đã được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP phê duyệt. Theo đó, lĩnh vực kinh doanh, sản xuất phân bón không nằm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Do đó, Công ty tiến hành thoái vốn đã đầu tư để phục vụ mục tiêu, chiến lược phát triển trong thời gian tới.

Tổng Giám đốc công ty đã chỉ đạo các phòng ban, bộ phận liên quan hoàn thiện Phương án thoái vốn đúng trình tự, thủ tục và các quy định hiện hành của Nhà nước, nhằm bảo toàn vốn nhà nước giao quản lý.

Vậy Tổng Giám đốc công ty kính trình Hội đồng thành viên Công ty xem xét đề trình Tập đoàn phê duyệt Phương án.

(Có đính kèm phương án chi tiết)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.



Văn Đức Dũng



**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU QUẢNG TRỊ**

**PHƯƠNG ÁN THOẢI VỐN CỔ PHẦN**  
**TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ**



**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU QUẢNG TRỊ**

**Trụ sở chính:** Số 264 đường Hùng Vương, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

**Điện thoại:** 02333854803

**Fax:** 02333853816



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ**

**Trụ sở chính:** Khu CN Quán Ngang- xã Gio Quang- huyện Gio Linh- Quảng Trị

**Điện thoại:** 02333.630.669 **Mail:** [visinhquangtri@gmail.com](mailto:visinhquangtri@gmail.com)

**Quảng Trị, tháng 7 năm 2020**



**PHƯƠNG ÁN THOẢI VỐN  
CỦA CÔNG TY TNHH MTV CAO SU QUẢNG TRỊ  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ**

**A. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU**

**1. Thông tin chung**

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị
- Tên tiếng Anh: Quang Tri Rubber Company Limited
- Tên viết tắt: QTR
- Địa chỉ: Số 264 đường Hùng Vương, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
- Điện thoại: 02333854803 Fax: 02333853816
- Ngành nghề chính: Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su thiên nhiên.

**2. Tóm tắt lịch sử hình thành và phát triển**

Ngày 17/11/1984 Tổng Cục Cao su Việt Nam (Nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam) ký quyết định số 87/TCCB thành lập Công ty Cao Su Bình Trị Thiên. Tháng 7 năm 1989 sau khi chia tách tỉnh Bình Trị Thiên thành 3 tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, để gắn tên công ty với tên địa phương tỉnh, ngày 01/12/1990 Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm đã ký quyết định số 365 NN-TCCN/QĐ đổi tên công ty cao su Bình Trị Thiên thành Công ty Cao su Quảng Trị.

Tháng 11/1984 khi mới thành lập, Công ty tiếp nhận cơ sở vật chất của Nông trường Quốc doanh Cồn Tiên do UBND tỉnh Bình Trị Thiên chuyển giao. Sau đó Tổng cục Cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam) có quyết định thành lập thêm 3 nông trường: Bảy Tư, Dốc Miếu, Trường Sơn; 2 xí nghiệp: Xí nghiệp Chế biến – Cơ khí và Xí nghiệp Sản xuất Tổng hợp; 1 Trung tâm Y tế.

Đến ngày 26/3/2003, Tổng Công ty Cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam) có quyết định sáp nhập Nông trường Quyết Thắng và Nông trường Bến Hải trực thuộc UBND tỉnh Quảng Trị vào Công ty Cao su Quảng Trị

Qua 36 năm xây dựng và phát triển, đến nay diện tích trong nước do Công ty quản lý là 4.130,08 ha, trong đó cao su khai thác là 440,63 ha, cao su kiến thiết cơ bản: 3.206,28 ha, rừng nguyên liệu : 332,59 ha và diện tích khác 150,58 ha.



### 3. Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Theo giấy phép đăng ký doanh nghiệp mã số : 3200094610 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 01/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 05 năm 2020, ngành nghề kinh doanh của Công ty Cao su Quảng Trị gồm:

- Trồng trọt;
- Công nghiệp hóa chất phân bón và cao su;
- Bán buôn tổng hợp;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch;
- Sản xuất buôn bán vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh, sản xuất công nghiệp chế biến các sản phẩm cao su;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Vận tải khách du lịch; vận tải hành khách theo hợp đồng; Vận tải hành khách theo tuyến cố định; vận tải hành khách theo tuyến liên tỉnh.

### 4. Mô hình tổ chức và hoạt động

Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị là doanh nghiệp 100% vốn Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam- Công ty cổ phần, Bộ máy quản lý Công ty gồm:

- Hội đồng thành viên : 4 người
- Ban Giám đốc: 3 người
- Kiểm soát viên: 03 (02 người kiêm nhiệm)
- Các phòng ban (7 phòng, ban):
  - + Phòng Kế hoạch Đầu tư
  - + Phòng Tài chính kế toán
  - + Phòng Kỹ thuật
  - + Văn phòng Đảng ủy
  - + Phòng hành chính Quản trị
  - + Phòng Tổ chức lao động
  - + Văn phòng công đoàn
- Các đơn vị phụ thuộc
  - + Xí nghiệp Chế biến - Cơ khí
  - + Các Nông trường:
    - Nông trường Cồn Tiên;
    - Nông trường Báy Tư;
    - Nông trường Trường Sơn;
    - Nông trường Dốc Miếu;
    - Nông trường Quyết Thắng
  - + Trung tâm y tế

## B. PHƯƠNG ÁN THOẢI VỐN

### I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;



- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Công văn số 407 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt chủ trương thoái vốn tại Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị.

## **II. MỤC ĐÍCH THOÁI VỐN**

- Thực hiện thoái vốn theo chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐQTCSVN ngày 24/7/2019 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn và Công văn số 407 ngày 25/7/2019 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP về việc thoái vốn góp của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị tại Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị;
- Nhằm tái cơ cấu lại hoạt động đầu tư của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị theo hướng tập trung vào lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh chính phù hợp với Đề án tái cơ cấu Công ty đã được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP phê duyệt. Theo đó, lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân bón không nằm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Do đó, Công ty tiến hành thoái vốn đã đầu tư để phục vụ mục tiêu, chiến lược phát triển trong thời gian tới.

## **III. THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ**

### **1. Thông tin chung**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị
- Trụ sở chính: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị



- Điện thoại: 02333.630.669 Mail: [visinhquangtri@gmail.com](mailto:visinhquangtri@gmail.com)
- Giấy CNĐKDN: Số 3200294306 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 12 năm 2008, thay đổi lần thứ 1 ngày 08 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.



- Logo :
- Vốn chủ sở hữu thực góp: 23.530.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, năm trăm ba mươi triệu đồng chẵn)
- Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị là công ty cổ phần chưa đại chúng, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.
- Ngành nghề hoạt động kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất phân bón và hợp chất Ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón	2012 ( chính)
2	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Cửa, xẻ và bào gỗ	1610
3	Trồng cây cao su	0125
4	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
5	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí	2592
6	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
7	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ	5224
8	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu	4661
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh phân bón, mua bán, xuất nhập khẩu, vật tư nông nghiệp, cao su nguyên liệu, cao su sơ chế, phân vi sinh, bất hững mù các loại	4669
11	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì	1702



12	Sãn xuất hàng may sãn ( trừ trang phục) Chi tiết: Sãn xuất hàng may sãn	1322
13	May trang phục ( trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sãn xuất trang phục	1410
14	Khai thác và thu gom than bùn Chi tiết: Khai thác, thu gom và chế biến than bùn	0892
15	Bán buôn vải, hàng may sãn, giày dép Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu vải, hàng may sãn, giày dép	4641
16	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng	4663
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng khai khoáng, xây dựng	4659
18	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
19	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
20	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng	4100
21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4290
22	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	4210
23	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4220
24	Lắp đặt hệ thống điện	4321
25	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng ăn uống, dịch vụ phục vụ đồ uống	5610
26	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	5510
27	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật chăm sóc cao su	7490
28	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395



	Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn	
29	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Xuất khẩu lao động	7830
30	Sản xuất bất hững mù các loại  Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản	Ngành nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

**2. Vốn điều lệ và cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2019**

Stt	Tên Cổ đông	Số vốn góp (đồng)	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	12.000.000.000	1.200.000	51,00%
2	Công ty CP Quasa-Geruco	5.000.000.000	500.000	21,25%
3	Công ty CP Thiên Sinh	2.600.000.000	260.000	11,05%
4	Lê Văn Cường	3.930.000.000	393.000	16,70%
	<b>Cộng</b>	<b>23.530.000.000</b>	<b>2.353.000</b>	<b>100,00%</b>

**IV. THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN  
VI SINH QUẢNG TRỊ**

**1. Bảng cân đối kế toán tại 03 thời điểm gần nhất**

TÀI SẢN	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>17.684.021.514</b>	<b>17.345.114.673</b>	<b>13.727.483.788</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5.990.906.405</b>	<b>6.068.084.632</b>	<b>5.073.487.184</b>



1. Tiền	5.990.906.405	6.068.084.632	399.364.604
2. Các khoản tương đương tiền	0	0	4.674.122.580
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.592.161.058</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	1.592.161.058
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>1.389.628.066</b>	<b>1.652.365.215</b>	<b>1.111.992.617</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.361.244.000	1.390.223.040	1.098.364.400
2. Phải thu ngắn hạn khác	28.384.066	262.142.175	13.628.217
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10.072.740.740</b>	<b>9.530.303.610</b>	<b>5.924.159.587</b>
1. Hàng tồn kho	10.072.740.740	9.765.303.610	5.924.159.587
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	0	(235.000.000)	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>230.746.303</b>	<b>94.361.216</b>	<b>25.683.342</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	120.193.927	2.566.202	721.875
2. Thuế GTGT được khấu trừ	85.590.909	66.833.547	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	24.961.467	24.961.467	24.961.467
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>10.755.365.136</b>	<b>9.156.173.079</b>	<b>7.579.548.658</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>10.674.665.673</b>	<b>9.068.714.445</b>	<b>7.560.487.060</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	10.674.665.673	9.068.714.445	7.560.487.060
- Nguyên giá	21.845.866.927	21.845.866.927	21.845.866.927
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(11.171.201.254)	(12.777.152.482)	(14.285.379.867)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>80.699.463</b>	<b>87.458.634</b>	<b>19.061.598</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	80.699.463	87.458.634	19.061.598
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>28.439.386.650</b>	<b>26.501.287.752</b>	<b>21.307.032.446</b>

❖ Bảng cân đối kế toán tại 03 thời điểm gần nhất (tiếp theo)



NGUỒN VỐN	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.781.108.739</b>	<b>761.178.588</b>	<b>490.083.592</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.781.108.739</b>	<b>761.178.588</b>	<b>490.083.592</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	1.059.937.235	182.492.235	54.552.235
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	43.041.447	49.089.075	327.516
3. Phải trả người lao động	211.584.961	149.812.560	55.419.123
4. Phải trả ngắn hạn khác	66.728.845	66.725.967	66.725.967
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	399.816.251	313.058.751	313.058.751
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>26.658.277.911</b>	<b>25.740.109.164</b>	<b>20.816.948.854</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>26.658.277.911</b>	<b>25.740.109.164</b>	<b>20.816.948.854</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	23.530.000.000	23.530.000.000	23.530.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	23.530.000.000	23.530.000.000	23.530.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	3.019.022.870	3.087.432.356	3.087.432.356
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	109.255.041	(877.323.192)	(5.800.483.502)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	40.845.555	40.845.555	(877.323.192)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	68.409.486	(918.168.747)	(4.923.160.310)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>28.439.386.650</b>	<b>26.501.287.752</b>	<b>21.307.032.446</b>

**2. Kết quả hoạt động kinh doanh: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019



1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.750.672.000	7.779.470.900	3.647.805.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.750.672.000	7.779.470.900	3.647.805.000
4. Giá vốn hàng bán	6.244.466.291	7.472.829.446	4.505.617.613
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.506.205.709	306.641.454	(857.812.613)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	247.716.396	324.092.189	225.110.501
7. Chi phí tài chính	0	0	0
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
8. Chi phí bán hàng	310.523.028	285.834.928	113.848.428
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.376.978.128	1.415.503.953	1.224.815.794
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	66.420.949	(1.070.605.238)	(1.971.366.334)
11. Thu nhập khác	19.090.909	240.603.854	291.169.872
12. Chi phí khác	0	88.167.363	3.242.963.848
13. Lợi nhuận khác	19.090.909	152.436.491	(2.951.793.976)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	85.511.858	(918.168.747)	(4.923.160.310)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.102.372	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	68.409.486	(918.168.747)	(4.923.160.310)

**3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	9,93	22,79	28,01
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,27	10,27	15,92



<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu cơ cấu vốn</b>				
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	0,06	0,03	0,02
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,07	0,03	0,02
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu năng lực hoạt động</b>				
-	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	0,62	0,78	0,76
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,27	0,29	0,17
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	0,01	(0,12)	(1,35)
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,00	(0,04)	(0,24)
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,00	(0,03)	(0,23)

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty là rất tốt, điều này thể hiện qua lượng tiền lớn công ty đang thực hiện gửi ngân hàng để hưởng lãi suất, điều này đảm bảo khả năng công ty thanh toán tốt các khoản nợ đến hạn.

Hệ số nợ của Công ty là thấp, chủ yếu là các khoản chiếm dụng vốn từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện đi vay, theo đó nguồn tài trợ cho tài sản của đơn vị là đến từ nguồn vốn chủ sở hữu. Điều này giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro liên quan đến các nguồn tín dụng, lãi suất vay ngân hàng, tuy nhiên việc không sử dụng đòn bẩy tài chính dẫn đến tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của đơn vị là thấp.

Về các khả năng sinh lời của Công ty là kém và có xu hướng giảm dần qua từng năm. Điều này phản ánh tình hình kinh doanh của đơn vị mang tính thiếu ổn định theo các thời kỳ.



4. Tài sản cố định đến ngày 31/12/2019

BẢNG TỔNG HỢP TÀI SẢN CỐ ĐỊNH  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Stt	Loại tài sản	Giá trị sổ sách				Giá trị thực tế			Chênh lệch	
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại	Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 7 - 3	11 = 9 - 5
A	TSCĐ ĐANG DÙNG	21.845.866.927	14.285.379.867	7.560.487.060	35%	21.880.487.046	47%	10.229.248.893	34.620.119	2.668.761.833
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	9.426.690.855	5.760.140.519	3.666.550.336	39%	8.797.151.667	50%	4.404.164.350	-629.539.188	737.614.014
2	Phương tiện vận tải	2.259.348.163	1.748.847.933	510.500.230	23%	1.849.680.045	59%	1.099.261.411	-409.668.118	588.761.181
3	Máy móc thiết bị	4.712.461.689	3.385.063.355	1.327.398.334	28%	5.614.637.576	37%	2.053.538.028	902.175.887	726.139.694
4	Tài sản khác	5.447.366.220	3.391.328.060	2.056.038.160	38%	5.619.017.758	0%	2.672.285.104	171.651.538	616.246.944
5	Tài sản cố định vô hình	0	0	0	0%	3.997.874.750	100%	3.997.874.750	3.997.874.750	3.997.874.750
B	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	0	0	0		0		0	0	0
C	TÀI SẢN CHỜ BÀN GIAO	0	0	0		0		0	0	0
D	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÔNG CẢN DỪNG	0	0	0		0		0	0	0
E	TSCĐ HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	0	0	0		0		0	0	0
	TỔNG CỘNG	21.845.866.927	14.285.379.867	7.560.487.060	35%	25.878.361.796	55%	14.227.123.643	4.032.494.869	6.666.636.583



**Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2019	9.426.690.855	4.712.461.689	2.259.348.163	5.447.366.220	21.845.866.927
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<u>9.426.690.855</u>	<u>4.712.461.689</u>	<u>2.259.348.163</u>	<u>5.447.366.220</u>	<u>21.845.866.927</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2019	5.140.240.043	3.025.763.946	1.586.089.437	3.025.059.056	12.777.152.482
Tăng trong kỳ	619.900.476	438.668.165	162.758.496	366.269.004	1.587.596.141
Khấu hao trong kỳ	619.900.476	438.668.165	162.758.496	366.269.004	1.587.596.141
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<u>5.760.140.519</u>	<u>3.464.432.111</u>	<u>1.748.847.933</u>	<u>3.391.328.060</u>	<u>14.364.748.623</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2019	4.286.450.812	1.686.697.743	673.258.726	2.422.307.164	9.068.714.445
Tại 31/12/2019	<u>3.666.550.336</u>	<u>1.248.029.578</u>	<u>510.500.230</u>	<u>2.056.038.160</u>	<u>7.481.118.304</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019: 806.011.099 đồng.

**IV. THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ ĐẾN NGÀY 31/12/2019**

**BẢNG KÊ ĐẤT ĐAI DOANH NGHIỆP ĐANG SỬ DỤNG**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*

Stt	Tên và địa chỉ khu nhà, đất	Kiểm kê, đo đạc thực tế		Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Ghi chú
		Đvt	Diện tích			
1	Thửa đất số 376, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	m2	50.950,00	Đất Khu Công nghiệp	Thời gian sử dụng đến hết ngày 15/12/2059	- Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; - Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm.
	<b>Tổng số</b>	<b>m2</b>	<b>50.950,00</b>			



## V. PHÂN TÍCH GIÁ TRỊ CỔ PHẦN

### 1. Giá trị cổ phần theo sổ sách kế toán của Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị tại thời điểm ngày 31/12/2019

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 2.353.000 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 2.353.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Vốn chủ sở hữu: 23.530.000.000 đồng
- Giá trị cổ phần theo sổ sách kế toán của Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị tại thời điểm ngày 31/12/2019 là: 8.847 đồng/ cổ phần

### 2. Giá trị cổ phần theo sổ sách kế toán phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng trị tại thời điểm ngày 31/12/2019

- Tổng giá trị phần vốn góp trên sổ sách kế toán của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị: 13.549.939.907 đồng
- Tổng số cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị do Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị nắm giữ là 1.200.000 cổ phần, tương đương với 51% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị.
- Trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vốn đến ngày 31/12/2019 là: 1.544.815.349 đồng
- Giá trị cổ phần Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị theo sổ sách kế toán của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị là :  $12.005.124.558 \text{ đồng} / 1.200.000 \text{ cổ phần} = 10.004 \text{ đồng/ cổ phần}$  ((Giá trị ghi sổ trừ đi (-) trích lập dự phòng chia cho tổng số cổ phần sở hữu).

## VI. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN PHẦN VỐN TẠI CÔNG TY CP PHÂN VI SINH QUẢNG TRỊ

### 1. Thông tin về cổ phiếu chào bán

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá trên cổ phiếu: 11.825 đồng/cổ phiếu
- Hạn chế chuyển nhượng: Không
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.353.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị đang nắm giữ: 1.200.000 cổ phiếu, tương đương 51% cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 14.190.000.000,00 đồng (Bằng chữ: Mười bốn tỷ, một trăm chín mươi triệu đồng chẵn)

### Kết quả thẩm định giá trị phần vốn đầu tư

Theo kết quả thẩm định giá của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV) về giá trị khoản vốn đầu tư của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị tại Công ty Cổ



phần Phân Vi sinh Quảng Trị, giá trị khoản vốn đầu tư được xác định lại theo chứng thư thẩm định giá số 0206/2020/CTTĐG/IAV ngày 22 tháng 06 năm 2020 của Công ty IAV như sau

ĐVT: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	Tổng Tài sản	21,307,032,446	28,037,622,835	6,730,590,389
2	Tổng Nợ phải trả	490,083,592	490,083,592	0
3	Vốn và các quỹ. Trong đó:	20,816,948,854	27,547,539,243	6,730,590,389
-	Vốn góp của chủ sở hữu	23,530,000,000	23,530,000,000	0
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-5,800,483,502	-5,800,483,502	0
-	Chênh lệch do đánh giá lại tài sản	0	6,730,590,389	6,730,590,389
-	Quỹ đầu tư phát triển	3,087,432,356	3,087,432,356	0
4	Giá trị thực tế của doanh nghiệp	20,816,948,854	27,547,539,243	6,730,590,389
5	Tổng số cổ phần đã phát hành	2,353,000	2,353,000	0
6	Giá trị thực tế của một cổ phần	8,847	11,707	2,860
7	Số lượng cổ phần của các đơn vị sử dụng kết quả thẩm định giá:			
7.1	Số lượng cổ phần của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị tại Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị	1,200,000	1,200,000	0
7.2	Số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần Quasa Geruco tại Công ty CP phân vi sinh Quảng Trị	500,000	500,000	0
8	Giá trị các quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm giá trị văn hóa lịch sử của các đơn vị sử dụng kết quả thẩm định giá:			
8.1	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị		140,488,938	
8.1	Công ty Cổ phần Quasa Geruco		58,537,057	



9	Tổng giá trị thực tế phần vốn của các đơn vị sử dụng kết quả thẩm định giá tại Công ty Cổ phần Phân vi sinh Quảng Trị:			
9.1	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	12,000,000,000	14,189,382,730	2,189,382,730
9.2	Công ty Cổ phần Quasa Geruco	5,000,000,000	5,912,242,803	912,242,803

(Nguồn: Chứng thư thẩm định giá của IAV)

## 2. Phương thức chào bán:

Tham chiếu theo các quy định của Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại Doanh nghiệp; Luật chào bán tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Nghị định 32/2018/NĐCP ngày 08/3/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Để đảm bảo công khai, minh bạch và khách quan, cũng như khai thác mọi nguồn lực từ thị trường, đem lại lợi ích tối đa cho Công ty trong công tác thu hồi vốn đầu tư, Công ty đề xuất thực hiện việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị theo hình thức bán chào công khai toàn bộ phần vốn góp đã đầu tư thông qua một tổ chức có chức năng bán chào bán.

## 3. Giá khởi điểm:

- Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 0206/2020/CTTĐG/IAV ngày 22 tháng 06 năm 2020 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế (IAV), tại thời điểm ngày 31/12/2019 giá trị thực tế một cổ phần của Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị là: 11.707 đồng/cổ phần.

- Giá khởi điểm Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị đề xuất là: 11.825 đồng/cổ phần.

## 4. Số mức giá: 01 (một) mức giá.

**5. Đối tượng bán:** Các nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Quy chế bán chào bán cổ phần do Đơn vị tư tổ chức chào bán ban hành.



### 6. Phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thành công:

Sau khi chào bán cổ phần thông qua chào bán không thành công (do không có nhà đầu tư tham gia chào bán hoặc chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký tham gia chào bán hoặc số lượng cổ phần đăng ký mua thấp hơn số lượng chào bán hoặc nhà đầu tư trúng thầu chào bán không nộp tiền mua cổ phần,...), Hội đồng Thành viên sẽ xem xét phương án giải quyết số cổ phần bán không hết tùy theo hình thức thực tế và giao cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

### 7. Công bố thông tin về việc chào bán bán cổ phần:

- Các nhà đầu tư nhận được thông tin đầy đủ như nhau về cuộc chào bán;
- Công bố công khai cho các nhà đầu tư các thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuộc chào bán ít nhất 20 ngày trước ngày thực hiện chào bán.

### 8. Đánh giá lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc thoái vốn:

Giá cổ phần của Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị do thị trường quyết định, nếu bán hết số cổ phần chào bán và bán bằng giá khởi điểm thì lợi ích thu được sau khi trừ đi số vốn góp theo giá sổ sách kế toán của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị và các chi phí khác được ước đạt như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công thức tính	Giá trị
1	Giá định giá chào bán thành công	đồng/Cổ phiếu	(1)	11.825
2	Số lượng cổ phần chào bán thành công	Cổ phiếu	(2)	1.200.000
3	Số tiền dự kiến thu được	đồng	(3) = (1) x (2)	14.190.000.000
4	Giá trị phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Phân Vi sinh Quảng Trị trên sổ sách kế toán của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	đồng	(4)	13.549.939.907
5	Tổng chi phí khác dự kiến, trong đó:	đồng	(5) = (a) + (b) + (c)	215.000.000
	- Chi phí thẩm định giá	đồng	(a)	120.000.000
	- Chi phí tư vấn thủ tục, xây dựng hồ sơ chào bán	đồng	(b)	25.000.000
	- Chi phí tổ chức chào bán	đồng	(c)	70.000.000
6	Tổng lợi ích thu được	đồng	(6) = (3) - (4) -	425.060.093



